

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2023/DS-ST

Ngày: 10-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nga**

2. Ông **Đặng Văn Ân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Minh Tuyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng M**, sinh năm 1969

Địa chỉ: 9 Hồ N, Phường A, Quận F, TP ..

2. Bị đơn: Ông **Trương Tụ H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: F đường L, Ấp F, xã V, huyện B, TP ..

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1972

Địa chỉ: 9 Hồ N, Phường A, Quận F, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Bên nguyên đơn, Ông Nguyễn Hoàng M trình bày như sau:**

Ngày 23/02/2018, sau khi bàn bạc thỏa thuận, ông M đồng ý cho ông Trương Tụ H vay số tiền là 150.000.000 đồng; với lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Sau khi ông M giao tiền cho ông Trương Tự H thì ông H có đóng lãi cho ông M được 6 tháng. Rồi từ đó đến nay ông Trương Tự H không trả cho ông M tiền lãi cũng như tiền vốn. Tiền này là tiền riêng của ông M.

Ông M đã giao đủ số tiền và ông Trương Tự H đã nhận đủ số tiền vay là 150.000.000 đồng. Đến hết thời hạn vay 06 tháng ông Trương Tự H không trả lại tôi tiền nợ gốc và lãi.

Nay ông M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc ông Trương Tự H hoàn trả lại số tiền đã vay của ông M là 150.000.000 đồng và số tiền lãi đã được tính từ ngày 23/9/2018 đến ngày 23/4/2023, với lãi suất thỏa thuận 1.5%/tháng là 123.750.000 đồng.

Yêu cầu ông Trương Tự H có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền nêu trên ngay khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Hoàng M vắng mặt (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

*** Bên bị đơn, Ông Trương Tự H trình bày:**

Ông H đồng ý trả cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng. Ông H xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, khi nào bán được đất sẽ trả hết một lần. Ông H xin không trả tiền lãi.

Tại phiên tòa, Ông Trương Tự H vắng mặt (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

*** Bên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bà Phạm Thị N trình bày:**

Số tiền 150.000.000 đồng do ông Nguyễn Hoàng M cho vay là tiền riêng của chồng bà N, bà N không dính líu đến số tiền này.

Tại phiên tòa, Bà Phạm Thị N vắng mặt (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Hoàng M khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản với Ông Trương Tự H đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Ông Trương Tự H cư trú tại huyện B. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Hoàng M, Ông Trương Tự H, Bà Phạm Thị N vắng mặt tại phiên tòa (có yêu cầu giải quyết vắng mặt). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Theo Hợp đồng vay tiền giữa Ông Nguyễn Hoàng M với Ông Trương Tự H được công chứng tại Văn phòng C, số G Tỉnh Lộ 10, phường B, quận B, TP . vào ngày 23/02/2018, số công chứng: 003477, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD, thể hiện: Ông Trương Tự H có vay của Ông Nguyễn Hoàng M số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng.

[4] Bên nguyên đơn xác định:

Ông M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc ông Trương Tự H hoàn trả lại số tiền đã vay của ông M là 150.000.000 đồng và số tiền lãi đã được tính từ ngày 23/9/2018 đến ngày 23/4/2023, với lãi suất thỏa thuận 1.5%/tháng là 123.750.000 đồng.

Yêu cầu ông Trương Tự H có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền nêu trên ngay khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

* Bên bị đơn xác định:

Ông H đồng ý trả cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng. Ông H xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, khi nào bán được đất sẽ trả hết một lần. Ông H xin không trả tiền lãi.

[5] Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”.

[6] Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về lãi suất:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác liên quan có quy định khác. ...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”.

Căn cứ vào Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn:

“1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.

2. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”.

[7] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Hồng M.

Buộc buộc ông Trương Tự H hoàn trả lại số tiền đã vay của Ông Nguyễn Hoàng M là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi đã được tính từ ngày 23/9/2018 đến ngày 23/4/2023, với lãi suất thỏa thuận 1.5%/tháng là 123.750.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng là 273.750.000 đồng (hai trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Trả ngay khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Tự H phải chịu 13.687.500 đồng (mười ba triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

H1 lại cho Ông Nguyễn Hoàng M số tiền 6.337.500 đồng (sáu triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0042535 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 466, Điều 470, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Hồng M.

Buộc buộc ông Trương Tự H hoàn trả lại số tiền đã vay của Ông Nguyễn Hoàng M là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 23/9/2018 đến ngày 23/4/2023, với lãi suất thỏa thuận 1.5%/tháng là 123.750.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng là 273.750.000 đồng (hai trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Trả ngay khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Tự H phải chịu 13.687.500 đồng (mười ba triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho Ông Nguyễn Hoàng M số tiền 6.337.500 đồng (sáu triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0042535 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

4. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Ngọc Hải